

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ZINCO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ZINCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZINCO TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108471614

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 ngách 44/8 Tầng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904 596 586

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                 | 2812     |
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                     | 2610     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                 | 2630     |
| 4.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                         | 2720     |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                    | 4512     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý mô tô, xe máy.<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                    | 4541     |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                        | 4102     |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                            | 4222     |
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                              | 4101     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                         | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                              | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                          | 4321     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                 | 4330     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                             | 2640     |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>chi tiết:<br>Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản) | 4530     |
| 16. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                 | 2710     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2620        |
| 18. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2750        |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                               | 4741        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                  | 8299        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 22. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2651        |
| 23. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2670        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659(Chính) |
| 25. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4223        |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4292        |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4293        |
| 28. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                              | 4759        |
| 30. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390        |
| 31. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651        |
| 32. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2732        |
| 33. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2733        |
| 34. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4211        |
| 35. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322        |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4291        |
| 38. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                   | 4649        |
| 39. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2740        |
| 40. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742        |

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CHÍ TÙNG     | Số 266Q trần Nguyên Hân, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 031088000427                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                         | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ VIẾT GIÁP        | Tổ 4 - Bàng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 038090010091                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                         | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐINH THỊ THU PHƯƠNG | Tổ 24A, Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | C2003088                                                                                    |         |
|     |                     |                                                                                         | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐINH THỊ THU PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 05/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C2003088

Ngày cấp: 25/07/2016

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 24A, Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 24A, Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội